

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CH TH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST  
Ngày: 25-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH TH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Liêu Văn Lộc

2. Ông Ngô Phúc

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch Th.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch Th tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch Th, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Bé S, sinh năm 1981, tại thành phố CT; Nơi cư trú: Khu vực TX 1, phường TL, quận OM, Thành phố CT; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1936 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là người con thứ 04 trong gia đình; vợ là Lê Thị L (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2008;

\* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại khu vực TX 1, phường TL, quận OM, Thành phố CT, học đến lớp 4 thì nghỉ, sống bằng nghề làm thuê.

+ Tiền án, tiền sự: không;

+ Bị cáo Nguyễn Văn Bé S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 17/9/2021 cho đến nay;

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:**

Ông Lê Thành Tr, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cư trú: Số 692 BVD nối dài, khóm 3, phường MH, thành phố LX, An Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Bùi Văn M, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cư trú: Khóm TH, phường MT, thành phố LX, An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Đặng Thụy Ái V, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cư trú: Số 409 ĐBP, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp HP IV, thị trấn AC, Ch Th, An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Bé S là công nhân làm việc tại cơ sở đóng tàu “T&T” của Lê Thành Tr tại ấp Hòa Phú IV, thị trấn AC, huyện Ch Th, tỉnh An Giang. Khoảng 13 giờ ngày 03/02/2021, trong lúc công nhân tại cơ sở đóng tàu “T&T” đến giờ nghỉ trưa, quan sát không thấy ai nên Bé S đi đến khu vực để máy hàn trong cơ sở đóng tàu lén lút lấy trộm 01 đoạn dây điện, loại dây điện máy hàn, dài khoảng 50m, đường kính 1,5cm, khoan tròn lại cất giấu tại khu vực bụi cây bên ngoài hàng rào cơ sở đóng tàu, rồi trở lại làm việc bình thường. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Bé S điều khiển xe mô tô biển số: 67M6 - 4902 mượn của Bùi Văn M đến nơi cất giấu đoạn dây điện trên, để khoan dây điện vào cái bao, loại bao đựng lúa rồi chở đến khu vực Phà Vàm Cống thuộc phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang gặp Việt (không rõ họ, địa chỉ) nhờ Việt đem đoạn dây điện máy hàn bán được 850.000 đồng, số tiền này Bé S sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Do khu vực cất giấu đoạn dây điện thuộc phần đất của bà Nguyễn Thị Thanh Th tại ấp Hòa Phú IV, thị trấn AC, Ch Th nên khi Bé S đến lấy dây điện chở đi tiêu thụ đã bị bà Thủy nhìn thấy và đến xưởng đóng tàu T&T báo với chị Đặng Thụy Ái V là nhân viên quản lý cơ sở đóng tàu T&T. Chị V kiểm tra lại và xác định trong xưởng có mất một đoạn dây điện như trên. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh Trí kêu Đặng Thụy Ái V đến Công an thị trấn AC trình báo sự việc.

Ngày 17/9/2019, Bé S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Ch Th khởi tố điều tra.

\* Vật chứng thu giữ: Không thu giữ.

Tại kết luận định giá số 47/KL.HĐ ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ch Th, tỉnh An Giang, kết luận: 01 (một) đoạn dây điện, loại dây điện máy hàn, dài khoảng 50m, đường kính 1,5cm, vỏ bọc bằng cao su màu đen, lõi bằng đồng, dây đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại tương đương 80%, giá trị = 75.000 đồng x 50m x 80% = 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Tại cáo trạng số 55/CT-VKSCT-HS ngày 26/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ch Th, tỉnh An Giang truy tố để xét xử bị cáo Nguyễn Văn Bé S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung vụ án được tóm tắt.

Bị hại anh Lê Thành Tr; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn M; những người làm chứng khác: Bà Đặng Thụy Ái V và Nguyễn Thị Thanh Th vắng đều mặt tại phiên tòa và trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu, bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật, đồng thời buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng theo giá trị định giá tài sản bị Bé S lấy trộm (Bút lục số: 04-05; 55-56; 89-90; 91-92).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé S từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường lại toàn bộ giá trị tài sản đã chiếm đoạt của bị hại theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

- Về vật chứng: Không thu giữ nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Ch Th, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch Th, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại Lê Thành Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M và những người làm chứng là bà Đặng Thụy Ái V và bà Nguyễn Thị Thanh Th đã được triệu tập hợp lệ những vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Bé S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, trong lúc các công nhân đang giờ nghỉ trưa nên đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm dây điện, loại dây điện máy hàn, dài khoảng 50cm, đường kính 1,5cm, có giá trị 3.000.000 đồng của bị hại, khoan tròn lại cất giấu tại khu vực bụi cây bên ngoài hàng rào cơ sở đóng tàu, rồi trở lại làm việc bình thường. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Bé S điều khiển xe mô tô biển số: 67M6 - 4902 mượn của Bùi Văn M đến nơi cất giấu đoạn dây điện máy hàn lấy đem đến khu vực Phà VC thuộc phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang gặp Việt (không rõ họ, địa chỉ) nhờ Việt tiêu thụ tài sản đã lấy trộm. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch Th đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập tự nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng ngược lại vì muốn có tiền tiêu xài mà bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt, để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Biện pháp tư pháp:

- Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường lại toàn bộ giá trị tài sản đã chiếm đoạt của bị hại theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Bé S và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Bé S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Bé S 08 (tám) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án (25/01/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Bé S cho Ủy ban nhân dân phường TL, quận OM, thành phố CT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Buộc Nguyễn Văn Bé S bồi thường thiệt hại cho Lê Thành Tr số tiền tổng cộng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Bé S phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

(Hội đồng xét xử đã giải thích thêm cho người được hưởng án treo biết về quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Ch Th;
- Cơ quan điều tra CA huyện Ch Th;
- Cơ quan THA hình sự huyện Ch Th;
- Chi cục THADS huyện Ch Th;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Mỹ Linh**



